

VIỆT NAM THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ²

CHÍNH PHỦ VIỆT NAM. Việt Nam thực hiện
các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.- H.:
2005.- 100 tr.

QUẾ CHI
lược thuật

Báo cáo đánh giá quá trình triển khai, thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) và các Mục tiêu hỗ trợ của Việt Nam (VDGs). Báo cáo chú trọng những kết quả đã đạt được, đồng thời chỉ ra những khó khăn, thách thức đang đặt ra đối với từng mục tiêu và đề xuất các chính sách nhằm thúc đẩy việc thực hiện có hiệu quả MDGs.

Báo cáo này là kết quả của sự phối hợp giữa các bộ, ngành của Chính phủ Việt Nam dưới sự chủ trì của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, được Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa trình bày tại phiên họp cấp cao của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc ngày 15/9/2005.

Ngay phần đầu báo cáo, Việt Nam khẳng định quan điểm của mình trong quá trình triển khai, thực hiện các nội dung đã cam kết trong Tuyên bố Thiên niên kỷ, trong đó nhấn mạnh: Việt Nam luôn tôn trọng các giá trị và nguyên tắc trong Tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc (LHQ), khẳng định niềm tin của mình đối với LHQ và Hiến chương của LHQ; Việt Nam ủng hộ mạnh mẽ việc thiết lập một nền hoà bình lâu bền và công bằng trên toàn thế giới, phù hợp với các mục đích, tôn chỉ và nguyên tắc của Hiến chương LHQ; và Việt Nam đã hoàn thành trước thời hạn các cam kết của mình về phát triển và xoá đói giảm nghèo.

Thông qua báo cáo, Việt Nam muốn chia sẻ kinh nghiệm của mình trong việc thực hiện MDGs, đồng thời khẳng định quyết tâm của Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ và hoàn thành MDGs vào năm 2015.

Tổng quan tình hình thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ và MDGs của Việt Nam

Sau 5 năm, từ khi Chủ tịch nước Việt Nam Trần Đức Lương đặt bút ký kết thực hiện MDGs cùng đại diện của 188 quốc gia trên thế giới tại Hội nghị Thượng đỉnh LHQ vào tháng 9 năm 2000, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực và sáng tạo để đạt được những bước tiến đáng kể trong việc hiện

thực hoá 8 nội dung trong MDGs của LHQ về xoá đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục tiểu học, bình đẳng giới, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, phòng chống HIV/AIDS, bảo đảm bền vững về môi trường và thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển.

Dựa trên MDGs và định hướng phát triển của đất nước, Việt Nam đã xây dựng VDGs bao gồm các vấn đề xã hội và giảm nghèo đến năm 2010 để tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả hơn. Năm 2003,

Việt Nam là quốc gia đầu tiên trên thế giới xuất bản bản báo cáo thứ ba về việc thực hiện MDGs.

Từ năm 2001 đến 2005, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản về triển khai, thực hiện MDGs và VDGs, như Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (năm 2002), Định hướng Chiến lược phát triển bền vững (hay Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam - năm 2004)... Hàng loạt chương trình, kế hoạch về kinh tế-xã hội cũng được thực hiện trên phạm vi toàn quốc. Trong vòng 15 năm (1990-2004), tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam đã tăng gần gấp 3 lần; tốc độ tăng trưởng GDP bình quân là 7,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 24% năm 2004; các nguồn lực phát triển trong nước được tăng cường; quan hệ kinh tế quốc tế, nhất là về thương mại và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài,

tiếp tục được mở rộng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; tình hình chính trị-xã hội ổn định.

Báo cáo nhấn mạnh, Việt Nam đạt được những thành quả trên là do sự nỗ lực của Chính phủ và nhân dân Việt Nam và sự hỗ trợ cả về nguồn lực và kinh nghiệm của cộng đồng quốc tế, trong đó có sự giúp đỡ của các Chính phủ trên thế giới nói riêng và tổ chức LHQ nói chung. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Vì vậy, trong giai đoạn tới, Việt Nam sẽ cần tới sự hỗ trợ, giúp đỡ nhiều hơn, chặt chẽ hơn của cộng đồng quốc tế để vượt qua khó khăn, thách thức và hoàn thành các mục tiêu quốc gia nói riêng và MDGs của LHQ nói chung vào năm 2015.

Phần thứ nhất: Thực hiện MDGs

Trong 5 năm đầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2001-2010), Chính phủ Việt Nam đã có nhiều cơ chế, chính sách nhằm huy động tối đa các nguồn lực từ trong nước, đồng thời chú trọng thu hút nguồn vốn từ bên ngoài để tăng cường khả năng phát triển kinh tế-xã hội, tạo ra những khả năng to lớn để thực hiện MDGs và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Trong đó xoá đói giảm nghèo được coi là một trong những thành công lớn nhất của quá trình phát triển xã hội của Việt Nam nói riêng và quá trình thực hiện MDGs nói chung.

Mục tiêu 1: Xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói

Tỷ lệ giảm nghèo giảm mạnh (theo tiêu chuẩn quốc tế ^(*) từ 58,1% năm 1993 xuống còn 24,1% năm 2004 tương đương với 60% số hộ nghèo. Như vậy chỉ trong hơn 10 năm Việt Nam đã giảm gần 60% số

(*) Bao gồm chi phí mua lương thực, thực phẩm bảo đảm năng lượng hàng ngày cho một người là 2.100 Kcal và chi phí lương thực bằng khoảng 2/3 chi phí lương thực, thực phẩm

hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm ở các vùng trong cả nước có mức độ khác nhau, nhanh nhất là vùng Đông Bắc bộ, từ 86,1% năm 1993 xuống còn 31,7% năm 2004 và chậm nhất là vùng Tây Bắc bộ 86,1% năm 1993 và 54,4% năm 2004 (tr.8).

Phương thức thực hiện xoá đói giảm nghèo đã được thay đổi phù hợp theo Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo, tạo cơ hội và điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; làm tốt công tác truyền thông, nâng cao dân trí; tăng việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường hợp tác quốc tế trong xoá đói giảm nghèo và việc làm; chú trọng đào tạo cán bộ cho các xã nghèo, cử cán bộ tỉnh, huyện và đội ngũ trí thức trẻ về giúp các hộ nghèo, xã nghèo...

Việt Nam hiện đang cam kết giảm tỷ lệ nghèo thêm 40% cho đến năm 2010. Tuy nhiên, trong thời gian tới Việt Nam cần có những giải pháp đối với các thách thức còn tồn tại, như: thành tựu xoá đói giảm nghèo chưa vững chắc; tỷ lệ nghèo đói ở nông thôn, vùng núi và trung du còn cao; khác biệt giữa các dân tộc còn lớn; hiệu quả và hiệu lực của chính sách hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo chưa cao; và những tác động của toàn cầu hoá trong quá trình Việt Nam hội nhập quốc tế.

Mục tiêu 2: Phổ cập giáo dục tiểu học

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có những thành tựu đáng kể về giáo dục, đào tạo so với nhiều nước có cùng trình độ phát triển. Một hệ thống giáo dục quốc dân khá hoàn chỉnh được hình thành, bao gồm đủ các cấp học, bậc học và các loại hình nhà trường như công lập và dân lập, tư thục.

Năm 2000, Việt Nam tuyên bố đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Tỷ lệ học sinh tiểu học nhập học đúng độ tuổi đã tăng từ khoảng

90% trong những năm 1990 lên 94,4% năm học 2003-2004 (tr.14). Hiệu quả giáo dục có những chuyển biến tích cực; tỷ lệ lưu ban, bỏ học giảm dần ở tất cả các cấp học phổ thông. Đặc biệt việc dạy chữ dân tộc đã được đẩy mạnh với 8 thứ tiếng ở 25 tỉnh, thành phố; tỷ lệ người dân tộc mù chữ đã giảm mạnh.

Mục tiêu 3: Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ

Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong lĩnh vực bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ. Tỷ lệ nữ chiếm khoảng 51% tổng dân số cả nước và 48,2% lực lượng lao động xã hội; đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội và trong công cuộc phát triển đất nước. Giá trị chỉ số phát triển giới (GDI) của Việt Nam tăng từ 0,668 năm 1998 lên 0,689 năm 2004. Việt Nam thuộc nhóm nước có thành tựu tốt trong khu vực về chỉ số phát triển giới (tr.17).

Tỷ lệ nữ tham gia trong công tác quản lý, lãnh đạo ở các cấp tăng lên đáng kể. Việt Nam vẫn tiếp tục dẫn đầu các nước trong khu vực châu Á về tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội nhiệm kỳ 2002-2007 là 27,3% (tr.18).

Mục tiêu 4: Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em

Sức khoẻ của trẻ em được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em đã giảm rõ rệt- năm 1990, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi là 58%, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 44,4%, đến năm 2004 các tỷ lệ này tương ứng chỉ còn 31,5% và 18% (tr.23).

Việt Nam đã thực hiện tốt Chương trình tiêm chủng mở rộng, Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống tiêu chảy, phòng chống nhiễm khuẩn hô hấp, Chương trình lồng ghép chăm sóc trẻ ốm... Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ sáu loại vắc xin năm 2003

đạt 96,7% (là mức cao so với các nước trong khu vực).

Mục tiêu 5: Tăng cường sức khoẻ bà mẹ

Ở các quốc gia đang phát triển, nguy cơ tử vong của bà mẹ khi sinh là 1/48, và hầu như tất cả các quốc gia hiện nay đều có chương trình làm mẹ an toàn và có triển vọng đạt được tiến bộ trong lĩnh vực này. Còn ở Việt Nam, sức khoẻ của phụ nữ khi mang thai và lúc sinh đẻ đã được chăm sóc chu đáo và cải thiện hơn. Tỷ lệ phụ nữ khi sinh được cán bộ y tế chăm sóc duy trì ở mức trên dưới 95% trong đó khu vực thành thị và các vùng đồng bằng tỷ lệ này đạt trên 98%. Tỷ lệ tử vong bà mẹ khi sinh đã giảm từ 1,2% trong giai đoạn 1989-1994 xuống còn 0,85% vào năm 2004, và Việt Nam đặt ra mục tiêu tiếp tục giảm xuống còn 0,7% cho đến năm 2010, trong đó sẽ quan tâm đặc biệt tới những vùng khó khăn (tr.26).

Mục tiêu 6: Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác

Việt Nam đã có nhiều chính sách, biện pháp để ngăn chặn, phòng ngừa và giảm tỷ lệ mắc bệnh, lây nhiễm HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác (đặc biệt là lao), nhờ đó tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét đã giảm từ hơn 9% vào năm 1995 xuống dưới 2 % vào năm 2004, giảm hơn 4,5 lần; năm 1995, Chương trình phòng chống lao đã được xem là một trong những Chương trình y tế Quốc gia trọng điểm của Việt Nam và đã thu được những kết quả tích cực; đến năm 1999, chiến lược DOTS(*) đã bao phủ 100% số huyện trên cả nước. Trong giai đoạn 1997-2002, đã có khoảng 261.000 bệnh nhân lao phổi AFB(+) được điều trị với tỷ lệ khỏi bệnh là 92% số người được phát hiện mắc bệnh lao... (tr.34). Tuy nhiên, Việt Nam cũng thừa nhận, mặc dù đã đạt được một số kết quả nhưng tỷ lệ mắc bệnh và lây nhiễm còn chưa ổn định và dễ biến động.

Mục tiêu 7: Đảm bảo bền vững về môi trường

Thông qua Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, các nguyên tắc phát triển bền vững đã được lồng ghép vào nhiều chính sách, các chương trình quốc gia, được cụ thể hoá trong các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và cũng đã đạt được một số kết quả bước đầu.

Tỷ lệ người dân Việt Nam được sử dụng nước sạch tăng từ 26,2% năm 1993 lên 70% năm 2004. Riêng tỷ lệ này ở nông thôn đã tăng mạnh, từ 18% năm 1993 lên 58% năm 2004. Khu vực nông thôn Việt Nam được tiếp cận nguồn nước sạch đã tăng gấp đôi so với chỉ tiêu trong MDGs chỉ trong vòng 10 năm (tr.37).

Diện tích đất có rừng che phủ liên tục tăng, từ 27,2% năm 1990 lên 37% năm 2004. Các khu bảo tồn tăng nhanh cả về số lượng và diện tích. Trong số 126 khu bảo tồn có 28 vườn quốc gia, nhiều khu đã được công nhận là di sản tự nhiên của thế giới, là khu dự trữ sinh quyển quốc tế và là di sản tự nhiên của ASEAN (tr.36).

Mục tiêu 8: Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu phát triển

Việc thiết lập mối quan hệ đối tác toàn cầu vì mục đích phát triển là mục tiêu nhất quán trong chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam. Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa và chủ động hội nhập với khu vực và thế giới theo tinh thần sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu cho hoà bình, độc lập và phát triển.

Đến nay, Việt Nam đã ký kết hơn 80 hiệp định thương mại và đầu tư song phương và có quan hệ hợp tác kinh tế với gần 220 quốc gia và vùng lãnh thổ (tr.40).

Việt Nam đã tập trung đổi mới thể chế kinh tế, rà soát các văn bản pháp qui, sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống

pháp luật phù hợp với các quy định và thông lệ quốc tế. Hiện nay Việt Nam đang nỗ lực đàm phán, cam kết tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của WTO khi trở thành thành viên, để có thể sớm gia nhập Tổ chức này.

Phần thứ hai: Các Mục tiêu hỗ trợ của Việt Nam thúc đẩy hoàn thành MDGs

Nhằm hỗ trợ việc thực hiện thành công MDGs, đồng thời đáp ứng các nhu cầu phát triển riêng của đất nước, việc xây dựng VDGs của Việt Nam đã giúp cho tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam liên tục được duy trì ở mức cao: trong giai đoạn 1990-2004, bình quân GDP tăng khoảng 7,5%/năm; công nghiệp tăng 11%; tuy có gặp nhiều khó khăn về thời tiết, khí hậu nhưng nông nghiệp vẫn duy trì được ở tốc độ tăng trưởng 4%; giá trị các ngành dịch vụ tăng khoảng 7% và xuất khẩu tăng nhanh, đạt 16,2%.

Vốn đầu tư phát triển cũng ngày càng tăng, đạt 38% GDP năm 2004. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, phát huy lợi thế so sánh trong từng ngành, từng vùng và từng sản phẩm. nền kinh tế phát triển với sự đóng góp đan xen, đa dạng của các loại hình sở hữu và các thành phần kinh tế.

1. Việt Nam có được thành tựu xóa đói giảm nghèo lớn như vậy có thể nói, đó là do Việt Nam đã có nhiều chính sách hiệu quả trong *Hỗ trợ thực hiện MDGs về xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực* nói riêng bên cạnh các chính sách phát triển kinh tế-xã hội đất nước nói chung.

Trước hết, từ năm 1999 đến hết năm 2004 Nhà nước đã đầu tư khoảng 8,9 nghìn tỷ đồng để *cung cấp các dịch vụ kết cấu hạ tầng thiết yếu cho người nghèo, cộng đồng nghèo và xã nghèo* nên khoảng 90% các xã đặc biệt khó khăn trên cả nước đã có đường ô tô, có công trình thủy

điện nhỏ, có trường tiểu học, nhà trẻ mẫu giáo (trong đó 92-95% trẻ em trong độ tuổi được đến trường học), có điểm bưu điện văn hoá, có điện thoại bảo đảm thông tin liên lạc, có trạm phát thanh truyền hình (cả bằng tiếng dân tộc)...(tr.46-47).

Những kết quả đó đã làm thay đổi cơ bản diện mạo của các xã đặc biệt khó khăn, tạo sự chuyển biến quan trọng về kinh tế-xã hội tại các vùng này. Đời sống đồng bào các dân tộc ít người được cải thiện rõ rệt, mặt bằng dân trí từng bước được nâng lên, chất lượng dân số ở nhiều vùng đã có chiều hướng nâng cao... Qua đó cũng tạo ra khả năng to lớn trong việc hoàn thành trước thời hạn MDGs về xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực ở Việt Nam.

Thứ hai, trong vấn đề *giải quyết việc làm*, Việt Nam đã có các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nói chung và giải quyết việc làm nói riêng, nhờ đó tổng số lao động có việc làm hàng năm tăng liên tục từ 36,2 triệu người năm 2000 lên 41,2 triệu người năm 2003, bình quân tăng 4,4%/năm. Chỉ tính riêng trong năm 2004, số lượt lao động có việc làm và tăng thêm việc làm là 1,56 triệu người (tăng 1,96% so với năm 2003), trong đó 73,2% việc làm được giải quyết từ các chương trình phát triển kinh tế-xã hội. Lực lượng lao động trẻ trong nhóm tuổi từ 15-34 chiếm khoảng 50% trong tổng lực lượng lao động. Hệ thống đào tạo nghề ở Việt Nam đang tiếp tục mở rộng, công tác đào tạo được đẩy mạnh dưới mọi hình thức và quy mô; gắn với sử dụng lao động tại các khu vực công nghiệp, khu chế xuất và các vùng kinh tế trọng điểm và cho xuất khẩu lao động... Tuy nhiên, báo cáo cũng nêu rõ, theo đánh giá của thị trường lao động, chất lượng lao động của Việt Nam vẫn còn thấp, thiếu lao động kỹ thuật trình độ cao; cơ cấu ngành nghề không hợp lý...

Thứ ba, Việt Nam đã cố gắng *giảm*

khả năng dễ bị tổn thương và phát triển mạng lưới an sinh trợ giúp các đối tượng yếu thế và người nghèo. Nhóm 20% dân số Việt Nam có mức tiêu dùng thấp nhất tập trung chủ yếu ở các vùng Tây Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Bắc bộ, đồng thời cũng là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc ít người. Khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, dịch vụ sản xuất và các nguồn lực đều được Nhà nước quan tâm cải thiện trên các mặt: dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở và các điều kiện sinh hoạt khác, hỗ trợ tín dụng ưu đãi, đồng thời có các giải pháp hỗ trợ đất sản xuất, các giải pháp giúp đồng bào định canh, định cư, xây dựng kinh tế mới và ổn định di cư tự do; giải quyết khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề cho người nghèo. Trên cơ sở đó, *hệ thống an sinh xã hội chính thức và đa dạng hoá mạng lưới an sinh tự nguyện đã được mở rộng.*

2. Bên cạnh việc hỗ trợ thực hiện MDGs về xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực, Việt Nam còn có những *Hỗ trợ nhằm thực hiện bền vững MDGs* đã đạt được và đặt ra.

Trên cơ sở có và hiện thực hoá các chính sách về *phát triển văn hoá thông tin, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân; nâng cao mức sống, bảo tồn và phát triển văn hoá của các dân tộc ít người ở Việt Nam; đẩy mạnh cải cách hành chính, cung cấp kiến thức pháp lý cho người nghèo*, Việt Nam đã đạt được một số kết quả:

- Năm 2001 cả nước có 8,2 triệu hộ đạt chuẩn gia đình văn hoá (chiếm 45,7% số hộ) thì đến năm 2004 đã tăng lên 12 triệu hộ (67,1% số hộ). Phong trào xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư đã được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Đã xây dựng mới và nâng cấp được 4.416 nhà văn hóa cấp xã, phường, đạt tỷ lệ 41% số xã,

phường có nhà văn hoá. Đồng thời mạng lưới phát thanh truyền hình cũng được mở rộng. Các chương trình đa dạng đáp ứng đúng thị hiếu và nhu cầu của các tầng lớp dân chúng.

- Công tác bảo tồn và phát triển văn hoá của các dân tộc ít người đã được coi trọng và có sự phát triển khá. Hiện nay, ở Việt Nam có 30 dân tộc có chữ viết (chia làm hai dạng, chữ viết cổ và chữ viết dạng latin hoá) thì Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có 8 bộ giáo trình cho 8 thứ tiếng dân tộc. Đồng thời để ổn định và nâng cao đời sống đồng bào dân tộc, ngoài việc tiếp tục thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, xác định rõ quyền sử dụng đất đai cho từng hộ người dân tộc, Chính phủ đã có các quyết định hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc ít người.

- Chính phủ đã ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo của nhân dân ở cơ sở; động viên sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn của nhân dân trong phát triển kinh tế-xã hội, cải thiện dân sinh, góp phần xoá đói giảm nghèo với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Tính đến cuối năm 2004, 100% các xã, phường, thị trấn đã triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung của quy chế dân chủ ở cơ sở. Người dân đã thực hiện quyền dân chủ của mình trong việc đòi hỏi về quyền của nhân dân như quyền được thông tin, quyền được bàn bạc, thảo luận, đóng góp ý kiến, quyền được tham gia vào quá trình ra quyết định và quyền được kiểm tra đối với hoạt động của các cơ quan, các dự án kinh tế...

Mặc dù đạt được một số thành tựu quan trọng trên trong việc hoàn thành MDGs và được cộng đồng thế giới khen ngợi, nhưng trong những năm tiếp theo Việt Nam sẽ vẫn phải đối mặt với nhiều

thách thức lớn. Xác định rõ điều này, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện MDGs và VDGs (trong nội dung của phần một và phần hai), Việt Nam cũng chỉ rõ các khó khăn, thách thức trong thực hiện MDGs và VDGs, đồng thời nêu lên các giải pháp khắc phục trước mắt đối với từng mục tiêu trong MDGs cũng như đối với VDGs trong nước (vấn đề này được đề cập thêm tại phần ba của Báo cáo).

Phần thứ ba: Bài học kinh nghiệm

1. Từ công cuộc Đổi mới, cải cách kinh tế và thực tiễn quá trình triển khai, thực hiện MDGs, Việt Nam đã rút ra một số *bài học kinh nghiệm*:

Thứ nhất, thực hiện đồng bộ và toàn diện công cuộc Đổi mới, cải cách thể chế kinh tế là tiên đề quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện tốt các mục tiêu xã hội.

Thứ hai, phát huy nội lực, đi đôi với chuyển đổi cơ cấu đầu tư, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

Thứ ba, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng kinh tế đối ngoại, thu hút thêm nguồn lực từ bên ngoài là yêu cầu khách quan để phát triển kinh tế-xã hội và thực hiện MDGs.

Thứ tư, gắn kết phát triển với mục tiêu tăng cường năng lực của người dân, nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện điều kiện và mức sống của các tầng lớp dân cư trở thành một động lực hết sức quan trọng góp phần thực hiện có kết quả MDGs.

Thứ năm, Đổi mới công tác tổ chức, thực hiện cải cách hành chính và đưa các mục tiêu phát triển đến với người dân để họ cùng bàn bạc, thảo luận nhằm tạo ra sự đồng thuận và hợp tác trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển.

2. Báo cáo cũng nêu rõ, trong giai đoạn hiện nay Việt Nam còn đang có *nhiều khó khăn, thách thức*: Việt Nam vẫn còn là một nước nghèo, đang phát triển, GDP bình quân đầu người năm 2004 mới đạt khoảng 560 USD, vẫn là một nước có thu nhập thấp. Quy mô nền kinh tế nhỏ bé, trình độ công nghệ của nền kinh tế còn lạc hậu, cả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và trong lĩnh vực dịch vụ; khoa học và công nghệ chậm phát triển; chi phí sản xuất còn khá cao, tính cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển chậm; thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa chưa được định hình rõ và vận hành nhịp nhàng (tr.61).

Những hạn chế này là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho việc thực hiện MDGs của Việt Nam chưa đạt được như mong muốn, cụ thể là:

- Kết quả công tác xoá đói giảm nghèo chưa bền vững.

- Sự phân hoá giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng đang gia tăng.

- Hệ thống giáo dục và đào tạo còn nhiều điểm yếu kém. Giáo dục vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn; chi phí học tập còn cao so với khả năng thu nhập của dân cư, nhất là những người nghèo, con em nghèo.

- Khoảng cách về giới vẫn còn tồn tại, vẫn còn những định kiến giới và tư tưởng trọng nam hơn nữ. Việc tiếp cận giáo dục của trẻ em gái và phụ nữ dân tộc ít người ở các vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn và trở ngại hơn so với trẻ em trai và nam giới.

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều hạn chế. Hệ thống và chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân...

- Nạn dịch HIV/AIDS còn tiềm ẩn

nhiều nguy cơ lây nhiễm. Tốc độ lây nhiễm có xu hướng gia tăng, nhất là trong thanh niên.

- Vấn đề môi trường còn khá bức xúc. Quá trình đô thị hoá tăng lên nhanh chóng kéo theo sự khai thác quá mức nguồn nước ngầm, ô nhiễm nguồn nước mặt, không khí và ứ đọng chất thải rắn. Các khu vực giàu đa dạng sinh học, rừng, môi trường biển và ven biển đang bị khai thác quá mức. Vẫn còn thiếu phương thức quản lý tổng hợp môi trường ở cấp vùng, liên vùng và liên ngành. Quản lý nhà nước về môi trường mới được thực hiện ở cấp trung ương, ngành, tỉnh; chưa có ở cấp quận, huyện, phường, xã.

3. Trong kế hoạch 5 năm 2006-2010, Việt Nam phấn đấu đạt được bước chuyển biến quan trọng về phát triển bền vững; đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng tiếp tục đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia; nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Để bảo đảm thực hiện thành công kế hoạch đó, hướng tới MDGs, Việt Nam đưa ra *các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội-môi trường* cần đạt được vào năm 2010:

Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,5-8%; trong đó, khu vực nông nghiệp tăng 3,0-3,2%; công nghiệp và xây dựng tăng 10-10,2%; dịch vụ tăng 7,7-8,2%. Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 21-22%. GDP bình quân đầu người sẽ đạt khoảng 950-1000 USD/người.

Cơ cấu ngành trong GDP đến năm 2010, trong đó khu vực nông nghiệp khoảng 14-15%; công nghiệp và xây dựng khoảng 41-43%; dịch vụ khoảng 41-42%. Kim ngạch xuất khẩu tăng 14-15%.

Về xã hội, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 15-16%; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 40% tổng lao động xã hội; tốc độ phát triển dân số đạt khoảng 1,12%; 100% dân cư thành thị và 75% dân cư ở nông thôn được sử dụng nước sạch...

Về môi trường, từng bước sử dụng công nghệ sạch trong các ngành kinh tế, xã hội. Phấn đấu đạt 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị mới. Khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, đất và nước; phục hồi các khu khai thác khoáng sản và các hệ sinh thái đã bị phá hủy, bảo đảm cân bằng sinh thái ở mức cơ bản. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, đưa tỷ lệ che phủ rừng lên trên 43% vào năm 2010 và khoảng 48% năm 2015.

Đồng thời, báo cáo cũng nêu *các giải pháp chủ yếu* của Việt Nam nhằm thực hiện và hoàn thành chỉ tiêu đã đặt ra:

Thứ nhất, tiếp tục lồng ghép đầy đủ hơn MDGs vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội-môi trường hàng năm và 5 năm.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện môi trường xã hội thuận lợi cho công cuộc xoá đói giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội.

Thứ ba, thực thi hiệu quả hơn các chính sách nhằm ổn định và nâng cao đời sống đồng bào dân tộc ít người.

Thứ tư, mở rộng sự tham gia và nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ trong việc phát triển mạng lưới an sinh xã hội.

Trong báo cáo này, Việt Nam cũng đưa ra một số kiến nghị với LHQ nhằm giúp đỡ Việt Nam thực hiện tốt hơn nữa các hoạt động phát triển hướng tới MDGs, đồng thời tạo sự bình đẳng trong thương mại toàn cầu giữa các nước chậm và đang phát triển với các nước phát triển...